

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTCBA-TTHT
V/v triển khai Thông tư số
61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của
Bộ Tài chính

Cao Bằng, ngày tháng năm

Kính gửi: Các Tổ chức, Doanh nghiệp, Người nộp thuế
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Ngày 28/9/2023 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 61/2023/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm. Để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn kịp thời nắm bắt và thực hiện, Cục Thuế tỉnh Cao Bằng giới thiệu một số nội dung chính của Thông tư như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Thông tư này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm (đăng ký biện pháp bảo đảm) đối với động sản (trừ chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tàu bay), tàu biển, cây hàng năm theo quy định tại Luật Trồng trọt, công trình tạm theo quy định tại Luật Xây dựng, gồm:

- a) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm.
- b) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.
- c) Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.

1.2. Thông tư này áp dụng đối với: người nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều này.

1.3. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Cá nhân, hộ gia đình đăng ký biện pháp bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn có hồ sơ đăng ký đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

b) Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP

có yêu cầu xóa đăng ký hoặc yêu cầu rút bớt một, một số tài sản bảo đảm để xóa đăng ký đối với tài sản này.

c) Chinh lý thông tin có sai sót trong nội dung đã được đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

d) Xóa đăng ký theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

đ) Hủy đăng ký đối với các trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP

e) Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm hoặc cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu cho cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quy định tại Điều 52 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

2. Người nộp phí

Người nộp phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm là cơ quan, tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư này cung cấp dịch vụ, thu phí quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

3. Tổ chức thu phí

3.1. Cục Hàng hải Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải hoặc Chi cục Hàng hải, Cảng vụ Hàng hải theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng tàu biển, tài sản khác theo quy định của pháp luật về hàng hải, pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

3.2. Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tàu bay, tàu biển), cây hàng năm theo quy định tại Luật Trồng trọt, công trình tạm theo quy định tại Luật Xây dựng.

3.3. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.

3.4. Cơ quan có thẩm quyền cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu để tra cứu thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển theo quy định pháp luật về hàng hải thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm bằng tàu biển.

4. Mức thu phí

Mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

5. kê khai, nộp phí, quản lý và sử dụng phí

5.1. Người nộp phí thực hiện nộp phí khi nộp hồ sơ đăng ký, phí nộp cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày

22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp người nộp phí đã được cấp tài khoản đăng ký trực tuyến sử dụng thường xuyên thực hiện việc nộp hồ sơ đăng ký theo cách thức được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được lựa chọn nộp phí theo tháng hoặc theo từng lần nộp hồ sơ; trường hợp nộp theo tháng, chậm nhất là ngày 04 hàng tháng, người nộp phí phải nộp toàn bộ số tiền phí phát sinh của tháng trước liền kề cho tổ chức thu phí.

5.2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí, quản lý và sử dụng phí theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

6. Điều khoản thi hành

6.1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2023.

6.2. Thông tư này thay thế Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm và Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

6.3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số Điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Cục Thuế đăng tải toàn bộ nội dung Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ Tài chính nêu trên và Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này tại Trang Thông tin điện tử của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng tại địa chỉ: <http://caobang.gdt.gov.vn>, đồng thời gửi kèm theo công văn qua địa chỉ Email của doanh nghiệp, người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế (*Đối với người nộp thuế thuộc Cục Thuế quản lý*).

Cục Thuế tỉnh Cao Bằng thông báo để các Tổ chức, Doanh nghiệp, Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (gửi qua Email, iOffice để thực hiện);
- Hiệp hội DN tỉnh CB;
- Hội DN trẻ tỉnh CB;
- Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân;
- Hiệp hội du lịch tỉnh Cao Bằng;
- Lãnh đạo Cục Thuế (b/c);
- Các Phòng thuộc Cục Thuế;
- Các Chi cục Thuế (để TB cho NNT thuộc CCT quản lý);
- Website Cục thuế;
- Lưu: VT, TTHT (26).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hồng